



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	13 - 35
8. Phụ lục	36 - 39

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần thiết bị điện là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước - Công ty TNHH một thành viên thiết bị điện theo Quyết định số 0466/QĐ-BCT ngày 05 tháng 9 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công thương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600253826, đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 31 tháng 5 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

<i>Cổ đông</i>	<i>Vốn góp (VND)</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
Cổ đông Nhà nước (Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam)	76.800.000.000	64,00
Công đoàn công ty	2.850.000.000	3,00
Nhân viên công ty	14.438.170.000	11,41
Cổ đông khác	25.911.830.000	21,59
Cộng	120.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (84-61) 3 836 443 – 3 836 609

Fax : (84-61) 3 836 070

E-mail : thibidi@hcm.vnn.vn

Mã số thuế : 3 6 0 2 5 3 8 2 6

Các đơn vị trực thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại TP. Hồ Chí Minh	824 Trần Hưng Đạo, phường 7, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty cổ phần thiết bị điện tại Hà Nội	P501- Tòa nhà HCO, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội

Hoạt động chính của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Thiết kế, chế tạo các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Bán buôn các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
- Thiết kế các công trình thiết bị điện;
- Bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
- Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện cao áp, hạ áp;
- Cho thuê văn phòng.



Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 39).

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 ngày 13 tháng 4 năm 2013 như sau:

Trích lập các quỹ	14.144.042.146 VND
Chia cổ tức	24.000.000.000 VND
Cộng	38.144.042.146 VND

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Kiến Thiết	Chủ tịch	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Lương Văn Trường	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Nguyễn Minh Cường	Ủy viên	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
Ông Cao Hoàng Phát	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013 (*)	-
Ông Phan Ngọc Thảo	Ủy viên	13 tháng 4 năm 2013	-

(*) Ngày tái bổ nhiệm

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phạm Tuấn Anh	Trưởng ban	13 tháng 4 năm 2013	-
Ông Thái Văn Đung	Trưởng ban	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
	Thành viên	13 tháng 4 năm 2013	-
Ông Nguyễn Đức Trung	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
Bà Nguyễn Hồng Ngọc	Thành viên	01 tháng 01 năm 2008	13 tháng 4 năm 2013
Ông Phan Hồng Kỳ	Thành viên	13 tháng 4 năm 2013	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Ngọc Thảo	Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013	-
Ông Ngô Thanh Nguyên	Giám đốc	01 tháng 01 năm 2008	01 tháng 6 năm 2013
Ông Lương Văn Trường	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013 (**)	-
Ông Cao Hoàng Phát	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013 (**)	-
Ông Nguyễn Văn Hiếu	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013 (**)	-
Ông Nguyễn Đức Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 6 năm 2013 (**)	-

(**) Ngày tái bổ nhiệm và thay đổi chức danh từ Phó Giám đốc thành Phó Tổng Giám đốc.

19875
CÔNG TY
HỮU
HỮU VÀ TỰ
& C
PHỐ C

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2014





**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.
Số: 0276/2014/BCTC-KTTV



Headquarters : 2 Truong Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần thiết bị điện, được lập ngày 21 tháng 02 năm 2014, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần thiết bị điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Khả - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0327-2013-008-1



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		551.847.088.320	544.465.359.323
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	70.563.857.331	84.087.494.898
1. Tiền	111		15.130.857.331	14.087.494.898
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.433.000.000	70.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		4.679.094.000	4.620.930.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	4.679.094.000	4.620.930.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		147.949.453.682	75.831.295.949
1. Phải thu của khách hàng	131	V.3	138.890.013.880	71.432.836.292
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	15.434.749.363	5.108.471.113
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.5	5.744.472.344	11.019.304.792
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	V.6	(12.119.781.905)	(11.729.316.248)
IV. Hàng tồn kho	140		324.382.957.764	357.402.068.714
1. Hàng tồn kho	141	V.7	324.382.957.764	357.402.068.714
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.271.725.543	22.523.569.762
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		96.000.000	96.000.000
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	4.175.725.543	22.427.569.762

3004
CÔ
CH NI
M TÔI
A
BINH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		107.423.733.464	108.446.092.610
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		71.820.019.897	70.048.919.170
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	71.670.502.522	69.933.344.170
<i>Nguyên giá</i>	222		195.514.937.765	182.275.123.098
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(123.844.435.243)	(112.341.778.928)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	149.517.375	115.575.000
<i>Nguyên giá</i>	228		592.594.725	488.074.725
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(443.077.350)	(372.499.725)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		31.179.576.493	30.919.775.592
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.11	31.440.259.111	31.440.259.111
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	1.002.000.000	1.002.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	(1.262.682.618)	(1.522.483.519)
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.424.137.074	7.477.397.848
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.014.398.246	5.042.197.161
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.15	2.409.738.828	2.435.200.687
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		659.270.821.784	652.911.451.933

49
V
H
I
N
8
T

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		427.210.676.540	440.117.702.504
I. Nợ ngắn hạn	310		417.571.721.228	430.376.899.754
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	285.722.952.667	295.112.254.338
2. Phải trả người bán	312	V.17	46.798.520.414	59.484.104.938
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	7.949.488.594	5.984.334.080
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	15.175.956.843	7.596.088.163
5. Phải trả người lao động	315	V.20	30.603.286.412	30.070.169.755
6. Chi phí phải trả	316	V.21	13.476.966.937	6.062.119.601
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	9.659.631.749	26.067.828.879
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.23	8.184.917.612	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.24	-	-
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	320		9.638.955.312	9.740.802.750
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.25	9.638.955.312	9.740.802.750
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		232.060.145.244	212.793.749.429
I. Vốn chủ sở hữu	410		232.060.145.244	212.793.749.429
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.26	120.000.000.000	120.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.26	1.549.860.247	1.549.860.247
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.26	18.658.460.163	15.986.439.090
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.26	18.862.355.840	16.190.334.767
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		72.989.468.994	59.067.115.325
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		659.270.821.784	652.911.451.933

315-C
 TY
 HỮU HẠN
 Á TƯ V
 C
 HỒ CH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

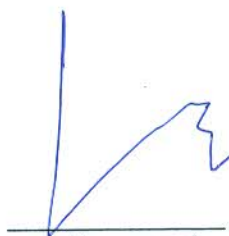
Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		358.985,27	171.144,98
Euro (EUR)		500,00	1.000
Dollar Úc (AUD)		150,00	2.250
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2014


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.439.988.914.775	1.364.425.611.249
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.439.988.914.775	1.364.425.611.249
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.214.871.045.435	1.162.595.306.202
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		225.117.869.340	201.830.305.047
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	8.918.718.880	9.062.835.578
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	25.674.962.069	41.860.905.613
Trong đó: chi phí lãi vay	23		24.930.597.041	38.790.601.016
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	84.211.411.662	49.342.377.682
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	48.228.842.252	49.629.797.359
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		75.921.372.237	70.060.059.971
11. Thu nhập khác	31		231.979.894	1.192.694.724
12. Chi phí khác	32		70.485	583.880.352
13. Lợi nhuận khác	40		231.909.409	608.814.372
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		76.153.281.646	70.668.874.343
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	24.061.423.972	19.663.653.565
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.15	25.461.859	(2.435.200.687)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>52.066.395.815</u>	<u>53.440.421.465</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	-	-



Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2014


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		76.153.281.646	70.668.874.343
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.9, V.10	16.918.734.463	14.209.524.971
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.13	130.664.756	1.785.487.379
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.3	(756.800.774)	(111.706.122)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(7.507.780.641)	(8.306.658.671)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	24.930.597.041	38.790.601.016
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		109.868.696.491	117.036.122.916
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(61.305.501.378)	48.231.199.600
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		33.019.110.950	16.538.239.176
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		9.152.712.890	24.742.586.767
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.223.715.428	415.223.383
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.21, VI.4	(25.168.473.551)	(42.356.738.006)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(22.365.880.629)	(23.102.013.456)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	V.24	40.000.000	64.345.680
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.24	(4.136.659.182)	(8.442.433.357)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		43.327.721.019	133.126.532.703
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.10	(19.885.751.703)	(23.168.871.231)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(1.038.514.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5, VI.3	10.510.933.791	5.675.957.387
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.374.817.912)	(18.531.427.844)

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính						
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-		-	
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.16	742.144.205.454		431.610.525.991	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.16	(751.533.507.125)		(506.889.252.501)	
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.26	(38.111.487.400)		(21.922.193.525)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(47.500.789.071)		(97.200.920.035)	
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(13.547.885.964)		17.394.184.824	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	84.087.494.898		66.554.425.736	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		24.248.397		138.884.338	
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	70.563.857.331		84.087.494.898	

Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2014




Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng


Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

JO.
CÔ
HN
ITO
A
NH

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, dịch vụ, thương mại.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế, chế tạo, bán buôn và bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng; kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư thiết bị điện cao áp, hạ áp; dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp; thiết kế, thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện; cho thuê văn phòng.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 Công ty có 560 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 571 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

496
NG
HIỆM
AN VỊ
&
T.P.1

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 05

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 04 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con và các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ là 02 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc là $\frac{1}{2}$ tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước ngày kết thúc năm tài chính cho 01 năm làm việc và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc chi trả trong năm được ghi giảm số dư đã trích lập trong các năm trước. Nếu số dư đã trích lập trong các năm trước không đủ để chi trợ cấp thôi việc cho người lao động thì toàn bộ phần chi còn thiếu được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

13. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

10/01/2014
CH
MT
1/14

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí bảo hành sản phẩm

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm có cam kết bảo hành với mức trích lập theo Điều 7 Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính từ 04 - 05 % trên doanh thu bán sản phẩm đối với một số hợp đồng thầu có yêu cầu về thông số kỹ thuật và chế độ bảo hành sản phẩm cao.

14. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty. Tỷ lệ trích lập được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

	<u>Mục đích</u>
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

144
ĐƠN
NHÌ
OÀN
A
7-T

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2012 : 20.815 VND/USD

31/12/2013 : 21.077 VND/USD

19. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.7.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

813
CÔNG TY
M HỮU
VÀ TỬ
C
HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

20. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty chỉ gồm nhóm các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

21. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

24. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	251.807.598	137.440.187
Tiền gửi ngân hàng	14.879.049.733	13.950.054.711
Các khoản tương đương tiền (*)	55.433.000.000	70.000.000.000
Cộng	<u>70.563.857.331</u>	<u>84.087.494.898</u>

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

Cho Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. vay với lãi suất 3,5%/năm.

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên liên quan	34.769.335.818	34.550.368.725
Các khách hàng khác	104.120.678.062	36.882.467.567
Cộng	<u>138.890.013.880</u>	<u>71.432.836.292</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp trong nước	2.524.749.458	2.472.100.752
Các nhà cung cấp nước ngoài	12.909.999.905	2.636.370.361
Cộng	15.434.749.363	5.108.471.113

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân nộp hộ người lao động	3.393.870.973	1.867.542.993
Thuế thu nhập cá nhân đang làm thủ tục hoàn	1.867.542.993	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	483.058.378	179.939.576
Quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt	-	4.703.340.818
Cổ tức phải thu	-	2.448.000.000
Phải thu Công đoàn tiền vay mượn cổ phần	-	1.265.328.255
Lãi tiền gửi dự thu	-	555.153.150
Cộng	5.744.472.344	11.019.304.792

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	11.729.316.248
Trích lập dự phòng bổ sung	390.465.657
Số cuối năm	12.119.781.905

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi đường	118.779.472	-
Nguyên liệu, vật liệu	153.049.975.037	155.787.214.103
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	27.793.245.444	47.854.452.437
Thành phẩm	143.420.957.811	153.760.402.174
Cộng	324.382.957.764	357.402.068.714

Toàn bộ hàng tồn kho đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa và Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai (xem thuyết minh số V.16).

8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	2.995.963.810	1.952.014.316
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	73.311.280	11.666.283.675
Tài sản thiếu chờ xử lý	1.106.450.453	8.809.271.771
Cộng	4.175.725.543	22.427.569.762

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	53.228.579.909	107.265.694.953	14.337.138.319	7.443.709.917	182.275.123.098
Mua sắm mới	13.507.954.503	4.794.907.200	1.073.080.000	405.290.000	19.781.231.703
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(25.257.100)	(2.241.170.642)	(1.356.705.939)	(2.918.283.355)	(6.541.417.036)
Số cuối năm	66.711.277.312	109.819.431.511	14.053.512.380	4.930.716.562	195.514.937.765
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2.523.533.301	37.405.412.377	4.389.149.405	2.932.634.000	47.250.729.083
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	28.186.953.811	69.487.435.693	9.371.409.217	5.295.980.207	112.341.778.928
Khấu hao trong năm	3.684.563.317	11.349.796.699	1.422.190.369	391.606.453	16.848.156.838
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	(25.257.100)	(1.990.078.027)	(1.345.622.274)	(1.984.543.122)	(5.345.500.523)
Số cuối năm	31.846.260.028	78.847.154.365	9.447.977.312	3.703.043.538	123.844.435.243
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	25.041.626.098	37.778.259.260	4.965.729.102	2.147.729.710	69.933.344.170
Số cuối năm	34.865.017.284	30.972.277.146	4.605.535.068	1.227.673.024	71.670.502.522
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa.

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	488.074.725	372.499.725	115.575.000
Tăng trong năm	104.520.000	70.577.625	
Số cuối năm	592.594.725	443.077.350	149.517.375

11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi ⁽ⁱ⁾	1.632.000	16.320.000.000	1.632.000	16.320.000.000
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. ⁽ⁱⁱ⁾	-	15.120.259.111	-	15.120.259.111
Cộng		31.440.259.111		31.440.259.111

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000548 ngày 27 tháng 5 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi 16.320.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (ii) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 385/BKH-ĐTRNN ngày 01 tháng 9 năm 2010 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty đầu tư vào Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd. USD 765,000 tương đương 63,75% vốn điều lệ.

12. Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư cổ phiếu Công ty cổ phần điện cơ Hà Nội với số cổ phần Công ty đang sở hữu là 100.000 cổ phần.

13. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng khoản lỗ đầu tư vào Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	1.522.483.519
Hoàn nhập dự phòng	(259.800.901)
Số cuối năm	1.262.682.618

14. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	5.042.197.161
Tăng trong năm	4.004.485.970
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(7.128.284.885)
Số cuối năm	2.110.398.246

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến dự phòng trợ cấp thôi việc. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

Số đầu năm	2.435.200.687
Số hoàn nhập	(25.461.859)
Số cuối năm	2.409.738.828

16. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	285.610.258.126	234.821.056.839
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu công nghiệp Biên Hòa ^(a)</i>	211.766.669.540	234.528.681.966
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(b)</i>	21.177.713.569	292.374.873
<i>Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai ^(c)</i>	52.665.875.017	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	112.694.541	60.291.197.499
<i>Tổng Công ty thiết bị điện Việt Nam</i>	-	45.880.000.000
<i>Các cá nhân khác ^(d)</i>	112.694.541	14.411.197.499
Cộng	285.722.952.667	295.112.254.338

- (a) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Biên Hòa với lãi suất từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định và hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7 và V.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng tồn kho (xem thuyết minh số V.7).
- (c) Khoản vay không có tài sản đảm bảo Ngân hàng thương mại cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng.
- (d) Khoản vay các cá nhân khác với lãi suất 7,2 – 9,5%/năm.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	234.821.056.839	732.698.597.738	(681.909.396.451)	285.610.258.126
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	60.291.197.499	9.445.607.716	(69.624.110.674)	112.694.541
Cộng	295.112.254.338	742.144.205.454	(751.533.507.125)	285.722.952.667

17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các bên liên quan	26.368.775.675	45.244.097.888
Các nhà cung cấp khác	20.429.744.739	14.240.007.050
Cộng	46.798.520.414	59.484.104.938

18. Người mua trả tiền trước

Khách hàng trả trước tiền mua hàng.

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.144.593.094	21.605.902.227	(15.656.510.112)	9.093.985.209
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	7.925.812.638	(7.925.812.638)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	658.775.456	(658.775.456)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.267.023.723	24.061.423.972	(22.365.880.629)	5.962.567.066
Thuế thu nhập cá nhân	184.471.346	5.016.813.194	(5.081.879.972)	119.404.568
Thuế môn bài	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	7.596.088.163	59.273.727.487	(51.693.858.807)	15.175.956.843

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	76.153.281.646	70.668.874.343
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	31.969.527.899	24.518.665.983
- Các khoản điều chỉnh giảm	(11.877.113.659)	(18.134.933.637)
Tổng thu nhập chịu thuế	96.245.695.886	77.052.606.689
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	24.061.423.972	19.263.151.672
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp các năm trước	-	400.501.893
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	24.061.423.972	19.663.653.565

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

20. Phải trả người lao động

Đơn giá tiền lương năm 2013 được thực hiện theo Quyết định số 426/QĐ-HĐQT ngày 24 tháng 12 năm 2013 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần thiết bị điện căn cứ vào đơn giá theo sản lượng sản phẩm hoàn thành nhập kho trong năm.

21. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	8.974.118.854	3.847.479.504
Chi phí lãi vay	287.110.576	524.987.086
Trích trước chi phí sản xuất kinh doanh	4.215.737.507	1.689.653.011
Cộng	13.476.966.937	6.062.119.601

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ xử lý	8.205.345.440	9.224.319.389
Kinh phí công đoàn	1.211.909.367	1.578.267.365
Bảo hiểm thất nghiệp	63.608.789	30.088.949
Kinh phí hoạt động Đảng	175.821.134	1.120.718.757
Cổ tức phải trả	2.947.019	14.114.434.419
Cộng	9.659.631.749	26.067.828.879

23. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành sản phẩm. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	-
Tăng do trích lập	8.184.917.612
Số cuối năm	8.184.917.612



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

24. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	(3.982.794.307)	5.967.000.000	5.000.000	(1.989.205.693)	-
Quỹ phúc lợi	(720.546.511)	2.833.000.000	35.000.000	(2.147.453.489)	-
Cộng	(4.703.340.818)	8.800.000.000	40.000.000	(4.136.659.182)	-

Số dư quỹ khen thưởng, phúc lợi chi vượt đầu năm được trình bày ở chi tiêu "Các khoản phải thu khác" (xem thuyết minh V.5).

25. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	9.740.802.750
Số chi trong năm	(101.847.438)
Số cuối năm	9.638.955.312

26. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm trang 36.

Cổ tức

Cổ tức năm trước đã chi trả trong năm nay với số tiền 38.111.487.400 VND.

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.000.000	12.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12.000.000	12.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	1.093.980.401.307	1.002.575.241.620
Doanh thu bán vật tư	342.239.570.754	357.312.360.539
Doanh thu dịch vụ	3.768.942.714	4.538.009.090
Cộng	<u>1.439.988.914.775</u>	<u>1.364.425.611.249</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp (*)	875.557.717.997	852.026.206.367
Giá vốn của vật tư đã cung cấp	338.954.644.550	309.451.477.925
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp (*)	358.682.888	1.117.621.910
Cộng	<u>1.214.871.045.435</u>	<u>1.162.595.306.202</u>

(*) Giá vốn của thành phẩm và dịch vụ đã cung cấp trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	721.268.043.628	770.396.171.212
Chi nhân công trực tiếp	36.691.768.889	35.551.449.299
Chi phí sản xuất chung	67.646.303.875	60.504.990.145
Tổng chi phí sản xuất	<u>825.606.116.392</u>	<u>866.452.610.656</u>
Chênh lệch chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	20.061.206.993	(4.515.443.609)
Tổng giá thành sản xuất	<u>845.667.323.385</u>	<u>861.937.167.047</u>
Chênh lệch tồn kho thành phẩm	10.339.444.363	(24.977.557.949)
Thành phẩm nhập khác	19.909.633.137	12.413.995.012
Hàng gửi đi bán	-	3.770.224.167
Giá vốn thành phẩm và dịch vụ đã cung cấp	<u>875.916.400.885</u>	<u>853.143.828.277</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	816.824.141	1.187.061.704
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	193.397.449	338.657.896
Lãi cho vay	162.956.500	211.596.967
Cổ tức, lợi nhuận được chia	6.528.000.000	6.908.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	756.800.774	111.706.122
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	460.740.016	305.812.889
Cộng	<u>8.918.718.880</u>	<u>9.062.835.578</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	24.930.597.041	38.790.601.016
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.004.165.929	1.547.821.078
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(259.800.901)	1.522.483.519
Cộng	<u>25.674.962.069</u>	<u>41.860.905.613</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên bán hàng	7.982.771.622	7.128.749.199
Chi phí khấu hao tài sản cố định	715.447.561	547.884.869
Chi phí chiết khấu bán hàng	53.566.507.110	29.958.807.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.478.400.970	3.642.196.799
Chi phí khác	17.468.284.399	8.064.739.137
Cộng	<u>84.211.411.662</u>	<u>49.342.377.682</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	13.585.418.874	9.048.860.980
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.892.490.110	1.248.215.936
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.884.470.028	2.240.444.180
Thuế, phí và lệ phí	1.660.797.004	673.532.612
Chi phí dự phòng	390.465.657	10.003.806.610
Chi phí dịch vụ thuê ngoài	2.517.183.261	2.665.806.764
Chi phí khác	26.298.017.318	23.749.130.277
Cộng	<u>48.228.842.252</u>	<u>49.629.797.359</u>

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về "Lãi trên cổ phiếu", trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	736.779.188.877	779.603.797.768
Chi phí nhân công	81.714.315.227	73.457.399.741
Chi phí khấu hao tài sản cố định	16.918.734.463	14.209.524.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.691.042.916	8.899.712.910
Chi phí khác	111.943.088.823	89.254.350.307
Cộng	<u>958.046.370.306</u>	<u>965.424.785.697</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết bảo lãnh

Công ty bảo đảm trả nợ cho khoản vay của Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi (bên được bảo lãnh) tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Chi nhánh Đồng Nai theo Giấy cam kết bảo lãnh ngày 24 tháng 6 năm 2011. Công ty bảo lãnh toàn bộ số dư nợ gốc tối đa 50 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 2.629.211.975 VND.

Trong năm, thành viên Ban Tổng Giám đốc có cho Công ty vay số tiền 660.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, không còn số dư tiền vay của thành viên Ban Tổng Giám đốc (số dư năm trước là 850.000.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam	Cổ đông Nhà nước nắm giữ 65,16% cổ phần
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi	Công ty con
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam		
Tiền vay phát sinh trong năm	-	15.360.000.000
Lãi vay phải trả trong năm	3.090.895.556	7.768.400.000
Mua vật tư, hàng hóa	3.869.291.950	7.493.308.708
Bán hàng	-	226.380.000
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi		
Bán hàng	385.588.409.594	431.444.435.441
Cung cấp dịch vụ	25.548.183	-
Mua vật tư	556.510.160.737	604.045.321.782
Cổ tức nhận được	6.528.000.000	6.528.000.000
Cho thuê văn phòng	180.000.000	180.000.000
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.		
Bán hàng	50.905.236.824	55.961.174.648
Tiền cho vay	-	1.038.514.000
Lãi cho vay	162.956.500	211.596.967

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam		
Phải thu tiền bán hàng	-	249.018.000
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi		
Phải thu tiền cổ tức	-	2.448.000.000
Thibidi (Cambodia) Co.,Ltd.		
Phải thu tiền bán hàng	34.769.335.818	34.301.350.725
Phải thu tiền cho vay	4.679.094.000	4.620.930.000
Phải thu tiền lãi vay	-	62.653.150
Cộng nợ phải thu	39.448.429.818	41.681.951.875



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam		
Tiền vay phải trả	-	45.880.000.000
Phải trả tiền mua hàng	3.734.596.470	1.690.243.858
Cổ tức phải trả	-	11.728.896.000
Công ty cổ phần kinh doanh vật tư Thibidi		
Phải trả tiền mua vật tư	22.634.179.205	43.553.854.030
Ứng trước tiền mua hàng	33.356.400	-
Cộng nợ phải trả	<u>26.402.132.075</u>	<u>102.852.993.888</u>

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp, với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 01 pha
- Lĩnh vực sản xuất máy biến thế 03 pha
- Các lĩnh vực khác.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được thể hiện ở phụ lục 02 đính kèm từ trang 37 đến trang 39.

Khu vực địa lý

Hầu hết hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm Công ty thay đổi tỷ lệ dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm từ 0% lên từ 04% - 05% trên doanh thu bán sản phẩm trong năm đối với một số hợp đồng thầu cung cấp sản phẩm cho Tổng công ty Điện lực Miền Trung, Tổng Công ty Điện lực Miền Nam và một số đơn vị khác có yêu cầu trong hồ sơ mời thầu về thông số kỹ thuật và chế độ bảo hành sản phẩm cao. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng tỷ lệ mới này phản ánh hợp lý hơn chi phí bảo hành sản phẩm sẽ phát sinh. Việc thay đổi tỷ lệ này làm cho chi phí bảo hành sản phẩm năm nay tăng 8.184.917.612 VND so với việc áp dụng tỷ lệ dự phòng như năm trước.

5. Thuê hoạt động

Các hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê đất và phí sử dụng hạ tầng sẽ được thanh toán như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	323.030.923	319.545.431
Trên 01 năm đến 05 năm	1.292.123.692	1.278.181.724
Trên 05 năm	10.434.341.318	10.641.300.582
Cộng	<u>12.049.495.933</u>	<u>12.239.027.736</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty thuê 34.994,9 m² đất dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2001 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051 và có khả năng được gia hạn thêm. Giá thuê đất là 800 đồng/m²/năm và phí sử dụng hạ tầng là 0,4 USD/m²/năm.

Các hợp đồng cho thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	50.000.000	180.000.000
Trên 01 năm đến 05 năm	-	-
Cộng	<u>50.000.000</u>	<u>180.000.000</u>

6. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Ban Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng Ban Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con vay tiền. Đơn vị này có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.7 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	70.563.857.331	-	-	-	70.563.857.331
Phải thu khách hàng	126.085.286.235	-	-	12.804.727.645	138.890.013.880
Các khoản cho vay	4.679.094.000	-	-	-	4.679.094.000
Các khoản phải thu khác	-	-	-	-	-
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.002.000.000	-	-	-	1.002.000.000
Cộng	202.330.237.566	-	-	12.804.727.645	215.134.965.211
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.087.494.898	-	-	-	84.087.494.898
Phải thu khách hàng	59.602.439.094	-	-	11.830.397.198	71.432.836.292
Các khoản cho vay	4.620.930.000	-	-	-	4.620.930.000
Các khoản phải thu khác	4.477.620.976	-	-	-	4.477.620.976
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.002.000.000	-	-	-	1.002.000.000
Cộng	153.790.484.968	-	-	11.830.397.198	165.620.882.166

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm	Trên 05 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	46.511.409.838	-	-	46.511.409.838
Vay và nợ	286.010.063.243	-	-	286.010.063.243
Các khoản phải trả khác	13.476.966.937	-	-	13.476.966.937
Cộng	345.998.440.018	-	-	345.998.440.018
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	59.484.104.938	-	-	59.484.104.938
Vay và nợ	295.637.241.424	-	-	295.637.241.424

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Từ 01 năm trở xuống</u>	<u>Trên 01 năm đến 05 năm</u>	<u>Trên 05 năm</u>	<u>Cộng</u>
Các khoản phải trả khác	19.651.566.934	-	-	19.651.566.934
Cộng	374.772.913.296	-	-	374.772.913.296

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm (USD)</u>	<u>Số đầu năm (USD)</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	358.985,27	171.144,98
Phải thu khách hàng	1.649.634,00	1.647.917,00
Các khoản cho vay	222.000,00	222.000,00
Phải trả người bán	(278.193,60)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	1.952.425,67	2.041.061,98

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	USD	VND	USD
Tiền và các khoản trương đương tiền	55.433.000.000	-	70.000.000.000	-
Các khoản cho vay	-	222.000,00	-	222.000,00
Vay và nợ	(285.722.952.667)	-	(295.112.254.338)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(230.289.952.667)	222.000,00	(225.112.254.338)	222.000,00

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 4.605.799.053 VND (năm trước giảm/tăng 4.502.245.087 VND).

Công ty đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất USD đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do các khoản cho vay và vay USD có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ					
	Số cuối năm		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản trương đương tiền	70.563.857.331	-	84.087.494.898	-	70.563.857.331	84.087.494.898
Phải thu khách hàng	138.890.013.880	(12.119.781.905)	71.432.836.292	(11.729.316.248)	126.770.231.975	59.703.520.044
Các khoản cho vay	4.679.094.000	-	4.620.930.000	-	4.679.094.000	4.620.930.000
Các khoản phải thu khác	-	-	4.477.620.976	-	-	4.477.620.976
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.002.000.000	-	1.002.000.000	-	1.002.000.000	1.002.000.000
Cộng	215.134.965.211	(12.119.781.905)	165.620.882.166	(11.729.316.248)	203.015.183.306	153.891.565.918

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	285.722.952.667	295.112.254.338	285.722.952.667	295.112.254.338
Phải trả người bán	46.798.520.414	59.484.104.938	46.798.520.414	59.484.104.938
Các khoản phải trả khác	13.476.966.937	20.176.554.020	13.476.966.937	20.176.554.020
Cộng	345.998.440.018	374.772.913.296	345.998.440.018	374.772.913.296


Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được ước tính bằng giá trị sổ sách trừ khoản chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Biên Hòa ngày 21 tháng 02 năm 2014


Trần Thị Thu
Người lập biểu


Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng




Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu


Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	6.139.475.142	11.266.852.793	48.997.139.782	187.953.327.964
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	53.440.421.465	53.440.421.465
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	9.846.963.948	4.923.481.974	(22.770.445.922)	(8.000.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(20.400.000.000)	(20.400.000.000)
Chi thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(200.000.000)	(200.000.000)
Số dư cuối năm trước	120.000.000.000	1.549.860.247	15.986.439.090	16.190.334.767	59.067.115.325	212.793.749.429
Số dư đầu năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	15.986.439.090	16.190.334.767	59.067.115.325	212.793.749.429
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	52.066.395.815	52.066.395.815
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	2.672.021.073	2.672.021.073	(13.844.042.146)	(8.500.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(24.000.000.000)	(24.000.000.000)
Chi thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	-	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Số dư cuối năm nay	120.000.000.000	1.549.860.247	18.658.460.163	18.862.355.840	72.989.468.994	232.060.145.244

Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2014


 Trần Thị Thu
 Người lập biểu


 Nguyễn Văn Hiếu
 Kế toán trưởng


 Phan Ngọc Thảo
 Tổng Giám đốc


Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Máy biến áp 1 pha	Máy biến áp 3 pha	Các lĩnh vực khác	Cộng
Năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	320.376.694.164	770.999.168.135	348.613.052.476	1.439.988.914.775
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	320.376.694.164	770.999.168.135	348.613.052.476	1.439.988.914.775
Chi phí bộ phận	237.336.771.474	656.904.007.501	320.630.266.460	1.214.871.045.435
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	83.039.922.690	114.095.160.634	27.982.786.016	225.117.869.340
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(132.440.253.914)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				92.677.615.426
Doanh thu hoạt động tài chính				8.918.718.880
Chi phí tài chính				(25.674.962.069)
Thu nhập khác				231.979.894
Chi phí khác				(70.485)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(24.061.423.972)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				(25.461.859)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				52.066.395.815
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

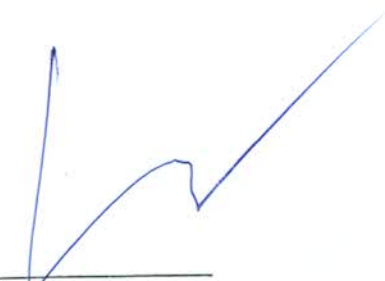
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**Năm trước**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	254.674.196.500	741.063.108.402	368.688.306.347	1.364.425.611.249
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	254.674.196.500	741.063.108.402	368.688.306.347	1.364.425.611.249
Chi phí bộ phận	208.274.367.828	645.097.466.923	309.223.471.451	1.162.595.306.202
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	46.399.828.672	95.965.641.479	59.464.834.896	201.830.305.047
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(98.972.175.041)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				102.858.130.006
Doanh thu hoạt động tài chính				9.062.835.578
Chi phí tài chính				(41.860.905.613)
Thu nhập khác				1.192.694.724
Chi phí khác				(583.880.352)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(19.663.653.565)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				2.435.200.687
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				53.440.421.465
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	-	-	-	-
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	-
Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)	-	-	-	-



Trần Thị Thu
Người lập biểu



Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởng



Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2014

Phan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc

HỒ SƠ
C
Á T U V
H
T Y
315

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Biên Hòa 1, đường số 9, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013


Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Máy biến áp 1 pha</u>	<u>Máy biến áp 3 pha</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				659.270.821.784
Tổng tài sản				659.270.821.784
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				427.210.676.540
Tổng nợ phải trả				427.210.676.540
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				652.911.451.933
Tổng tài sản				652.911.451.933
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				440.117.702.504
Tổng nợ phải trả				440.117.702.504

Biên Hòa, ngày 21 tháng 02 năm 2014


Trần Thị Thu
Người lập biểu

Nguyễn Văn Hiếu
Kế toán trưởngPhan Ngọc Thảo
Tổng Giám đốc